TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 05/01/2024
V/v: " Tranh chấp Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn.

2. Ông Phạm Văn Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đậu Thị Hải Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Ngọc H – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2038/2023/TLST–HNGĐ ngày 02/10/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7824/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Kiên Thị Bích H1, sinh năm 1988.
Địa chỉ: C ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1964.
Địa chỉ: A đường số A, khu phố Ô, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Ông C, bà H1 xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2023 của nguyên đơn bà Kiên Thị Bích H1, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn trình bày:

Bà Kiên Thị Bích H1 và ông Lê Văn C tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau năm 2013, đến năm 2015 thì tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 95, quyển số 01/2015 ngày 23/12/2015).

Trong thời gian đầu chung sống bà H1 và ông C sống hạnh phúc, nhưng về sau cuộc sống chung có nhiều bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến mâu thuẫn trong hôn nhân ngày càng trầm trọng cũng như trong cuộc sống gia đình. Mặc dù, bà H1 và ông C đã tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện nay đôi bên đã ly thân. Nay bà H1 cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H1 làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Có 02 người con chung Lê Thanh Thiên T, sinh ngày 22/01/2014 và Lê Thanh Thiên H2, sinh ngày 17/7/2016. Khi ly hôn bà H1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai người con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Lê Văn C có đơn xin giải quyết vắng mặt và có bản tự khai trình bày: Quá trình kết hôn và mâu thuẫn như bà H1 trình bày. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay đôi bên đã ly thân. Nay bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông C đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung Lê Thanh Thiên T, sinh ngày 22/01/2014 và Lê Thanh Thiên H2, sinh ngày 17/7/2016. Khi ly hôn ông C đồng ý giao 02 người con chung cho bà H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông C không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên Tòa hôm nay:

Bà Kiên Thị Bích H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Lê Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Kiên Thị Bích H1 được ly hôn với ông Lê Văn C; Về con chung: Lê Thanh Thiên T, sinh ngày 22/01/2014 và Lê Thanh Thiên H2, sinh ngày 17/7/2016. Giao 02 người con chung cho bà Kiên Thị Bích H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông C không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có; nợ chung: không có; Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Kiên Thị Bích H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Văn C đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Kiên Thị Bích H1, bị đơn ông Lê Văn C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Về hôn nhân:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kiên Thị Bích H1 và bị đơn ông Lê Văn C tự nguyện chung sống với nhau nên vợ chồng, đã được Ủy ban nhân dân phường L, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 01/2015 ngày 23/12/2015 theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Kiên Thị Bích H1, bị đơn ông Lê Văn C là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình để xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, cuộc sống chung giữa bà H1, ông C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay hai người đã không sống chung. Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn C xác định cuộc sống vợ chồng thực tế có mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà H1 yêu cầu ly hôn ông C đồng ý. Xét, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H1 là có cơ sở chấp nhận.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "Khi vợ hoặc chồng ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được".

Hội đồng xét xử nhận thấy, như đã phân tích ở trên, mâu thuẫn vợ chồng bà H1 đã đến mức trầm trọng, tình cảm yêu thương giữa hai vợ chồng không còn nên khả năng đoàn tụ là không có. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 27 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai đăng ký ngày 26 tháng 02 năm 2014 và giấy khai sinh số 133 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai đăng ký ngày 29 tháng 8 năm 2016 có cơ sở xác định bà Kiên Thị Bích H1 và ông Lê Văn C có 02 con chung tên Lê Thanh Thiên T, sinh ngày 22/01/2014 và Lê Thanh Thiên H2, sinh ngày 17/7/2016. Theo trình bày nguyện vọng của 02 bé khi ba mẹ không còn chung sống với nhau thì mong muốn ở với mẹ. Theo trình bày của ông C thì hiện nay 02 bé đang ở với bà H1, được bà H1 chăm sóc tốt. Mặt khác từ khi đôi bên không sống chung bà H1 vẫn đảm đương việc nuôi dạy và chăm sóc con tốt, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho người con được phát triển toàn diện và đảm bảo cho người con sống ổn định. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H1, giao người 02 con chung Lê Thanh Thiên T và Lê Thanh Thiên H2 cho bà Kiên Thị Bích H1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: bà Kiên Thị Bích H1 tự nguyện không yêu cầu ông Lê Văn C cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] - Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp luật định.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Kiên Thị Bích H1 phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của bà Kiên Thị Bích H1 đối với ông Lê Văn C. Cho bà Kiên Thị Bích H1 được ly hôn với ông Lê Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 95, quyển số 01/2015 ngày 23/12/2015 do Ủy ban nhân dân phường L, Quận I (nay là thành phố T) cấp cho bà Kiên Thị Bích H1 và ông Lê Văn C không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 người con chung Lê Thanh Thiên T, sinh ngày 22/01/2014 và Lê Thanh Thiên H2, sinh ngày 17/7/2016. Giao bà Kiên Thị Bích H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 người con chung. Ông Lê Văn C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.
4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Kiên Thị Bích H1 phải chịu án phí 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0005147 ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Kiên Thị Bích H1 đã nộp đủ án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Thủ Đức
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

P